TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 10 - 3 - 2021
V/v *"Chia tài sản sau ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Vân**
Các Thẩm phán: Ông **Dư Thành Trung**
Ông **Nguyễn Văn Thanh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Vũ Quang Huy –** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà **Võ Thị Kim Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc *"Chia tài sản sau ly hôn"*.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2020/QĐ-PT ngày 04/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị V, sinh năm 1967
Địa chỉ: Số D, Thôn C, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Phương Đại N – Văn phòng Luật sư Nguyễn Phương Đại N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.
2. Bị đơn: Ông Trần Duy D, sinh năm: 1966
Địa chỉ: Tổ G khu phố CS, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, sinh năm: 1960
Bà Trần Thị H, sinh năm: 1968
Địa chỉ: Số nhà AAA, ấp BĐ, xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

(*Bà H ủy quyền cho ông Đ theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2020*)

3.2. Ủy ban nhân dân huyện DL, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình S. Chức vụ: Chủ tịch

3.3. Bà Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị Thu L), sinh năm 1956 và anh Ngô Thế H, sinh năm 1982. Địa chỉ: số nhà E, Thôn C, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số nhà CC, đường AC, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

(*Bà Th ủy quyền cho ông Lê Huy M, sinh năm 1954. Địa chỉ: số nhà BVC TN, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 26-02-2020, được chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T*).

3.5. Ông Trịnh H, sinh năm 1926; Địa chỉ: Số nhà XX, thôn GL, xã GH, huyện DL.

3.6. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1944; Địa chỉ: Số nhà XX, Thôn T, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: Bà Hồ Thị V – Nguyên đơn.

(Luật sư N, bà V, ông D, ông Đ có mặt; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Hồ Thị V thì:

Bà và ông Trần Duy D kết hôn năm 1992. Đến năm 2018 thì ông bà đã ly hôn theo Quyết định của bản án số 12/2018/HNGĐ-PT ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Trong thời kỳ hôn nhân giữa ông bà đã tạo lập được những tài sản chung như sau:

1. 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 60m^2 trên diện tích đất 7.363m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H, ông Đ. Nguồn gốc đất là mua của ông Q năm 1999, khi mua chỉ viết giấy tay.

2. Diện tích đất trồng cà phê 3.050m^2, thửa 240, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung, huyện Di Linh. Diện tích đất này nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ ông A, đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên bà V.

3. Diện tích đất trồng cà phê 4.154m^2, thửa 04 và 239, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung. Diện tích đất này nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Hi, đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên bà V.

4. Diện tích đất trồng cà phê 2.200m^2, thửa 253, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung. Diện tích đất này nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng của ông Th, đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên bà V.

5. Diện tích đất trồng cà phê 5.972m^2, thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung. Diện tích đất này là của bà V và ông D, không bán cho bà H, giấy sang nhượng viết tay bà V ký bán cho bà H là nhằm trốn tránh nghĩa vụ phải thi hành án trước kia chứ thực tế không có việc sang nhượng.

Nay bà V đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà V và ông D theo quy định của pháp luật, bà V xin được nhận căn nhà và diện tích đất 7.363m^2 thuộc thửa 452 và 453, tờ bản đồ số 12, xã Hòa Trung, các tài sản còn lại giao cho ông D và ông D có trách nhiệm thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho bà V. Ngoài ra, bà V còn yêu cầu chia sản lượng cà phê từ năm 2010 đến năm 2019 là 09 năm x 1.800 kg theo giá 32.000 đồng/kg = 259.000.000 đồng.

Liên quan đến việc vợ chồng ông Đ, bà H có yêu cầu độc lập và ông D trình bày toàn bộ số tài sản trên là của vợ chồng ông Đ, bà H là không đúng. Do vợ chồng bà phải thi hành bản án hình sự nên có viết các giấy chuyển nhượng và xác định các tài sản trên là của vợ chồng ông Đ, bà H nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án trước kia (*Bà H là em ruột ông D).*

Bà V yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng ủy quyền được lập giữa ông Đ, bà H với ông Hậu, do đất mà ông Đ, bà H ủy quyền cho ông Hậ là tài sản của bà V và ông D

Bà V đồng ý cùng ông D có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Trịnh H 1.800 kg cà phê nhân và bà Nguyễn Thị Thu T 20.000 kg cà phê nhân.

Năm 2000 bà V xây nhà có xin phép chính quyền địa phương, nhưng đến năm 2006 bà V đã tự ý cơi nới nhà chi phí hết 45.000.000 đồng, trường hợp Tòa án chia tài sản không giao nhà cho bà V thì đề nghị người nhận nhà trả lại cho bà V 45.000.000 đồng.

2.Theo lời trình bày của bị đơn ông Trần Duy D:

Về tài sản: Ông và bà V hiện nay không có tài sản chung. Trước đây có tài sản chung nhưng đã phải thi hành án để bồi thường cho các bị hại trong vụ án hình sự mà vợ chồng đã bị Tòa án xử.

Các tài sản mà bà V cho rằng là tài sản chung gồm: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 60m^2 trên diện tích đất xung quanh 7.363m^2, thửa 452 và 453, tờ bản đồ số 12 xã Hòa Trung là của vợ chồng bà H, ông Đ. Nguồn gốc ông D mua của ông Q cho bà H năm 1999, hiện nay bà H, ông Đ đã được cấp sổ đỏ và đang quản lý canh tác. Việc bà V khiếu nại đã được UBND huyện Di Linh giải quyết tại quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 18/4/2011 thu hồi hủy bỏ sổ đỏ.

Diện tích đất trồng cà phê 3.050m^2, thửa 240, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung là của vợ chồng bà H, ông Đ, nguồn gốc mua của ông Vũ Ngọc A năm 1998, khi mua có viết giấy tay hiện nay bà H giữ, năm 2001 vợ chồng ông D đã tự làm sổ đỏ đứng tên bà Hồ Thị V để vay tiền ngân hàng chứ không phải đất của vợ chồng ông.

Diện tích đất trồng cà phê 4.154m^2, thửa 04 và 239, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung là của vợ chồng bà H, ông Đ mua của bà Trần Thị Hi năm 1998, khi mua có viết giấy tay hiện bà H giữ, năm 2001 vợ chồng tự ý làm sổ đỏ đứng tên bà Hồ Thị V để vay tiền ngân hàng.

Diện tích đất trồng cà phê 2.200m^2, thửa 253, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung là của vợ chồng bà H, ông Đ mua của ông Vũ Ngọc Thành năm 1998, khi mua có viết giấy tay hiện bà H giữ, năm 2001 vợ chồng tự ý làm sổ đỏ đứng tên bà Hồ Thị V để vay tiền ngân hàng.

Diện tích đất trồng cà phê 5.972m^2, thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung cũng là của vợ chồng bà H, ông Đ, nguồn gốc mua của ông D và bà V vào năm 1999, khi mua bán bà V mới viết giấy tay hiện bà H giữ chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

Về nợ chung:

- Ông D xác định ông và bà Hồ Thị V có nợ của bà Trần Thị Trúc Vâ 8.490 kg cà phê Robusta và đã trả trước 20.000.000 đồng; nợ của bà Phan Thị Lan 4.091 kg cà phê mít; nợ của ông Đoàn Văn Hoạt 17.000.000 đồng; nợ của ông Vũ Minh S 2.500 kg cà phê Robusta và 16.000.000 đồng; nợ của bà Cao Thị Nh 10.000 kg cà phê Robusta và 4.000 kg cà phê mít. Bà Trúc Vâ, bà L, ông Ho, ông S, bà Nhiệm đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó số nợ này giữa tôi và bà V sẽ tự thương lượng.

- Bà Lê Thị Th yêu cầu ông D, bà V có trách nhiệm trả số cà phê 10.663kg, tuy nhiên không làm thủ tục khởi kiện nên Tòa án không giải quyết.

- Ông D xác định ông và bà V có nợ của ông Nguyễn Văn P 9.300.000 đồng. Ông đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ 4.300.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông Ph số tiền còn nợ 4.300.000 đồng.

- Ông D xác định ông và bà V có nợ của ông Trịnh H 1.800 kg cà phê Robusta. Ông đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà V trả cho ông H, theo phần ông là 900 kg cà phê Robusta nhân khô.

- Ông D xác định ông và bà V có nợ của bà Nguyễn Thị Th T 20.000 kg cà phê Robusta. Ông đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà V trả cho bà Th, theo phần ông là 10.000 kg cà phê Robusta nhân khô.

Ngoài ra ông xác định ông và bà V không còn tài sản chung nào.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H trình bày:

Căn nhà xây cấp 4, diện tích 28m^2, trên diện tích 7.363m^2 thửa 452 và 453, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung là của vợ chồng ông Đ, bà H. Tài sản này nguồn gốc mua của ông Q, trước đó ông Q mua của ông Nguyễn Văn Nh, chưa làm thủ tục chuyển nhượng nên các bên thỏa thuận ông Nh làm giấy chuyển nhượng cho vợ

chồng ông Đ, bà Ho. Sau khi mua thì ông bà làm nhà xây có diện tích 28m^2. Đến năm 2005 do bà V không có chỗ ở nên ông bà cho ở nhờ và bà V tự ý cơi nới làm thêm 01 căn nhà để ở. Đến năm 2010 thì ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà V khiếu nại và được UBND huyện Di Linh giải quyết tại Quyết định số 1915/QD-UBND ngày 12-9-2012 xác định các diện tích đất trên không còn là của vợ chồng bà V nữa.

Diện tích đất trồng cà phê 3.050m^2 thửa 240, tờ bản đồ 13, xã Hòa Trung là của vợ chồng ông Đ, bà Ho. Tài sản này nguồn gốc mua của ông Vũ Ngọc A với số tiền 15.500.000 đồng. Diện tích đất trồng cà phê 4.154m^2, thửa 04 và 239, tờ bản đồ 13, xã Hòa Trung là của vợ chồng ông Đ, bà Ho. Tài sản nguồn gốc mua của ông Vũ Văn H năm 1998 với số tiền 22.000.000 đồng. Diện tích đất trồng cà phê 2.200m^2, thửa 253, bản đồ 12, xã Hòa Trung. Tài sản này nguồn gốc mua của bà Lê Thị H năm 1998 với số tiền 10.500.000 đồng. Diện tích đất trồng cà phê 5.972m^2 thửa 51, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung, tài sản này nguồn gốc mua của bà Hồ Thị V năm 1999 với số tiền 65.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án xác định căn nhà trên là của vợ chồng ông Đ, bà H thì vợ chồng ông bà đồng ý trả chi phí sửa nhà cho bà V 45.000.000đ

Vợ chồng ông Đ, bà H yêu cầu xác định các tài sản trên là của vợ chồng ông bà. Yêu cầu hủy 03 GCNQSDĐ đứng tên hộ bà Hồ Thị V

3.2. Anh Ngô Thế Hậu, bà Trần Thị L trình bày:

Từ năm 2013 ông Đ và bà H đã ủy quyền cho anh H trực tiếp đầu tư, chăm sóc, thu hoạch cà phê đối với diện tích 5.151m^2, thửa 453, tờ bản đồ 12; diện tích 2.212m^2, thửa 454, tờ bản đồ 12; diện tích 3.050m^2, diện tích 4.154m^2; diện tích 2.200m^2; diện tích 5.972m^2. Hàng năm, anh H trả cho vợ chồng ông Đ, bà H 25.000.000 đồng (*có hợp đồng ủy quyền*). Bà L (*mẹ anh H*) cũng đang quản lý, canh tác toàn bộ diện tích đất mà các bên đang tranh chấp. Ngoài ra, bà L, anh H cũng đang ở tại căn nhà cấp 4, nằm trên một phần diện tích đất 7.363m^2, thửa 452 và 453, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung, huyện Di Linh. Đối với tranh chấp giữa bà V, ông D với vợ chồng ông Đ, bà H thì bà L và anh H không có ý kiến gì.

3.3.Ông Lê Huy M đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thtrình bày: Yêu cầu bà Hồ Thị V và ông Trần Duy D cùng có nghĩa vụ liên đới theo phần trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số cà phê 20.000 kg cà phê nhân khô loại Robusta, mỗi người là 10.000 kg cà phê nhân khô loại Robusta.

3.4.Ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông có gửi ông D, bà V hơn 4.000 kg cà phê nhân và đã được thi hành án xong. Tuy nhiên ông D và bà V còn nợ ông số tiền 9.300.000 đồng, ông D đã trả cho ông 5.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông Trần Duy D có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 4.300.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, không yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả cho ông.

3.5.Ông Trịnh H trình bày: Yêu cầu bà Hồ Thị V và ông Trần Duy D cùng có nghĩa vụ liên đới theo phần trả cho ông số cà phê 1.800 kg cà phê nhân khô loại Robusta, mỗi người là 900 kg cà phê nhân khô loại Robusta.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà V và ông D.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu chia tài sản chung

Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà H. Xác định toàn bộ tài sản gồm 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 60m^2 trên diện tích đất xung quanh 7.363m^2; Diện tích 3.050m^2 thửa 240; Diện tích 4.154m^2 thửa 04 và 239; Diện tích 2.200m^2 thửa 253; Diện tích 5.972m^2 thửa 51 xã Hòa Trung, huyện Di Linh là tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà H. Vợ chồng ông Đ, bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà V số tiền 45.000.000đ.

Hủy 03 Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà V đối với các diện tích 3.050m^2 thửa 240; Diện tích 4.154m^2 thửa 04 và 239; Diện tích 2.200m^2 thửa 253 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm nên ngày 20/12/2017 bà Hồ Thị V đã làm đơn kháng cáo.

Tại bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 12/2018/HNGĐ-PT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà V và ông D.

Hủy một phần bản án HNGĐ sơ thẩm số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh về phần tài sản chung. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Di Linh giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị V; chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H:

1.1 Xác định 01 căn nhà xây cấp 4 (*nhà cũ*) diện tích 51,6m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 (*nhà mới*) diện tích 51,3m^2, nhà gỗ 18m^2; sân bê tông 22 lm^2; hàng rào và cổng 30m^2; 02 giếng nước; 01 ao nước diện tích 227,9m^2, thể tích khoảng 797,65m^3, trên đất trồng cây cà phê Robusta, trên diện tích đất xung quanh 7.363m^2. Giấy chứng nhận số hiệu BC832067, do UBND huyện Di Linh cấp

cho ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H ngày 22-10-2010, tại thửa đất số 452, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung, diện tích 2.212m^2 đất trồng cây lâu năm, số vào sổ cấp GCN CH 02187, sổ địa chính trang 109, Quyển 3A (*theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích 2.461,6m2, trong đó có 227,9m^2 đất ao*) và Giấy chứng nhận số hiệu BC832068, do UBND huyện Di Linh cấp cho ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H ngày 22/10/2010, tại thửa đất số 453, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung, diện tích 5.15lm^2 đất trồng cây lâu năm, số vào sổ cấp GCN CH 02188, sổ địa chính trang 109, Quyển 3A (*theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích 5.141,4m^2*) là tài sản của vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H.

1.2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy sang nhượng đất viết tay được xác lập ngày 05-02-1999 giữa bà Hồ Thị V và bà Trần Thị H đối với thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, diện tích đất 5.972m^2. Giao cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H quản lý, sử dụng đối với thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, diện tích đất 5.972m^2 (*theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích do đạc 7.802,8m^2, trong đó có 5.790,6m^2 thuộc thửa 51 (12) bản đồ năm 1995 và diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.012,2m^2*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Buộc bà Hồ Thị V phải giao cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính được cấp cho hộ bà Hồ Thị V, theo quyết định số 692/QĐ-UB ngày 15-8-2000 của UBND huyện Di Linh để vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.3. Vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị V số tiền sửa chữa nhà 45.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị V về yêu cầu ông Trần Duy D trả sản lượng cà phê 900 kg x 09 năm (từ năm 2010 đến năm 2019) x 32.000 đồng/kg là 259.200.000 đồng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Buộc ông Trần Duy D có nghĩa vụ trả cho cho ông Nguyễn Văn P số tiền mua bán còn nợ 4.300.000 đồng.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh H. Buộc bà Hồ Thị V và ông Trần Duy D cùng có nghĩa vụ liên đới theo phần trả cho ông Trịnh H số cà phê mua bán còn nợ là 1.800 kg cà phê nhân khô loại Robusta, bà V và ông D mỗi người là 900 kg cà phê nhân khô, loại Robusta.

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T. Buộc bà Hồ Thị V và ông Trần Duy D cùng có nghĩa vụ liên đới theo phần trả cho ông Trịnh H số cà phê mua bán còn nợ là 20.000 kg cà phê nhân khô loại Robusta, bà V và ông D mỗi người là 10.000 kg cà phê nhân khô, loại Robusta.

6. Hủy 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Di Linh đã cấp cho bà Hồ Thị V đối với:

-Thửa số thửa 240, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung, diện tích đất 3.050m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu L079885, theo quyết định số 1054/QD-UB ngày 03-11-1997 của UBND huyện Di Linh cấp cho ông Vũ Ngọc A, đến ngày 15/6/2001 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị V theo hợp đồng số 467 năm 2001.

- Thửa 04 và 239, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung, diện tích đất 4.154m, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu L097983, theo quyết định số 1054/QD-UB ngày 03-11-1997 của UBND huyện Di Linh cấp cho bà Trần Thị H, đến ngày 15/6/2001 toàn bộ thửa 4 và 239 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị V theo hợp đồng chuyển nhượng số 468 năm 2001.

- Thửa 253, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung, diện tích đất trồng cà phê 2.200m^2, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiệu V 441734 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 14-02-2003 theo hợp đồng số 469/HĐ-CN ngày 15-6-2001 của UBND huyện Di Linh mang tên hộ bà Hồ Thị V.

(*Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 thì diện tích đo đạc 9.590,7m^2 thuộc các thửa 240, 04, 239 và 253).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị V kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Hồ Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà V. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm. Xác định diện tích đất 7.363m^2 là tài sản chung của ông D, bà V. Giao cho bà V

được quyền quản lý, sử dụng. Bà V có trách nhiệm thanh toán cho ông D ½ giá trị tài sản theo giá thẩm định mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hồ Thị V làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị V thì thấy rằng;

[2.1] Đối với diện tích 5.972m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung đã được UBND huyện Di Linh cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số Q577192 ngày 20/8/2000 đứng tên bà Hồ Thị V. Theo nội dung *"giấy sang nhượng đất ngày 05/02/1999" (BL 168*) thể hiện người sang nhượng là Hồ Thị V đã bán diện tích trên với giá 65.000.000đ cho người mua đất là bà Trần Thị H, bà V đã nhận đủ tiền và có xác nhận của UBND xã Hòa Trung xác nhận tài sản trên là của bà H (*Bl 172, 209*). Bà V cho rằng vì trốn tránh nghĩa vụ thi hành án nên mới xác nhận như vậy là không có căn cứ. Mặt khác diện tích này vẫn do vợ chồng ông Đ, bà H quản lý sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất trên là của vợ chồng ông Đ, bà H nhận chuyển nhượng từ bà V là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà V.

[2.2] Đối với diện tích đất 3.050m^2 thuộc thửa 240, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung có nguồn gốc vợ chồng ông Đ, bà H nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Vũ Ngọc A, bà Phan Thị S với giá 15.500.000đ; Năm 1998 vợ chồng ông A đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông Trần Duy D, việc chuyển nhượng có giấy viết tay do bà S viết (*BL 553*). Ông D xác định diện tích đất trên ông là người trực tiếp thỏa thuận chuyển nhượng với vợ chồng ông A nhưng thực tế ông chỉ là người mua giúp vợ chồng ông Đ, bà H, giấy viết tay bà H giữ. Vợ chồng ông Đ, bà H xuất trình tài liệu là giấy viết tay thể hiện vợ chồng ông A chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà H, có xác nhận của chính quyền địa phương (*BL 166*). Xét thấy, thửa đất 240 bà Hồ Thị V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001 (*BL 108-112*). Việc chuyển quyền sử dụng đất cho bà V căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 467 ngày 16/5/2001 giữa ông A và bà V, tuy nhiên chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải của ông An *(BL 323,324*). Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Di Linh căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng trên để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V là trái quy định của pháp luật (*vi phạm Điều 500, 502 Bộ luật dân sự*). Hơn nữa, căn cứ vào đơn xin xác nhận ngày 21/11/2007 của bà V, bà V xác định diện tích 3.050m^2 là tài sản thuộc quyền sở

hữu của bà H *(BL 209*). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất 240, tờ bản đồ số 13 là của vợ chồng ông Đ, bà H là có căn cứ. Do đó không có căn cứ để xác nhận diện tích đất trên của bà V và ông D.

[2.3] Đối với diện tích 4.154m^2 thuộc thửa 04 và thửa 239, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung có nguồn gốc; vợ chồng ông Đ, bà H mua của ông Vũ Văn H, bà Trần Thị Hi với giá 22.000.000đ *(BL 100-104*); Diện tích 2.200m^2 thửa 253, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung mua của bà Lê Thị H với giá 10.500.000đ. Được thể hiện tại các giấy sang nhượng viết tay cùng ngày 07/01/1998 đã được xác nhận bởi UBND xã Hòa Trung (*BL 162, 164, 166).*

Bà V cho rằng các diện tích đất trên đều là của bà và việc mua bán các thửa đất trên thực hiện bằng cách bà sẽ giao vàng và người bán giao sổ đỏ bản chính, sau đó ông D đã đi làm thủ tục sang tên cho bà. Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của những chủ đất cũ đều khẳng định chỉ bán đất cho vợ chồng ông Đ bà H. Ông D chỉ là người đứng ra mua giúp đồng thời khẳng định chữ ký trong hợp đồng không phải của họ (*BL 187, 190, 189*). Ông D cũng thừa nhận việc giả mạo chữ ký bên sang nhượng để làm được thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nhằm thế chấp vay vốn ngân hàng. Khi vợ chồng ông Đ, bà H phát hiện thì vợ chồng bà V, ông D đã đi tù nên không thể khởi kiện. Hơn nữa, bà V cũng đã có văn bản xác nhận tài sản trên là của bà H nhưng lại cho rằng vì trốn tránh nghĩa vụ thi hành án nên mới xác nhận như vậy là không có căn cứ. Như vậy, xét về nguồn gốc diện tích đất trên vợ chồng ông Đ bà H nhận chuyển nhượng hợp pháp. Việc UBND huyện Di Linh không xem xét thực tế, chỉ căn cứ hợp đồng chuyển nhượng do ông D xuất trình để cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà V là chưa đảm bảo tính khách quan. Cần tuyên hủy các Giấy chứng nhận QSDĐ này và xác định đây là tài sản của vợ chồng ông Đ, bà H.

[2.4] Đối với diện tích đất 7.363m^2 thuộc thửa 452 và thửa 453 tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 60m^2. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, nguồn gốc diện tích đất 7.363m^2 trước đây là của ông Q mua lại từ ông Nh, đến tháng 01/1999 ông Q bán cho ông D, bà V, hai bên chỉ viết giấy tay, ông Q và ông D ký, ông Q đã nhận đủ tiền và giao đất cho vợ chồng ông D, bà V quản lý canh tác, ông Q xác định không biết bà H, ông Đ là ai *(BL 191, 554*). Sau này giữa ông D và ông Q thỏa thuận để thuận tiện làm sổ nên mới để ông Nh viết giấy sang nhượng cho ông D ngày 05/02/1999. Do bà H không đồng ý nên ông Nh đã viết lại giấy bán đất khác cho bà H vào ngày 10/02/1999 (*BL 156*). Tại báo cáo số 54/BC-TTr ngày 31/3/2001 của Thanh tra huyện Di Linh về kết quả thẩm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho

ông Đ, bà H đối với thửa số 452 và 453 tờ bản đồ số 12 xã Hòa Trung đã kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Di Linh về việc thu hồi và hủy bỏ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, bà H với diện tích nói trên vì qua xác minh thì ông Đ, bà H không phải là người trực tiếp canh tác sản xuất trên đất và người sản xuất trên đất là ông D, bà V. Hơn nữa, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/2010 cho vợ chồng ông Đ, bà H thì trước đó vào ngày 06/10/2010, ngày 21/10/2010 bà V đang có đơn khiếu nại đối với diện tích đất trên và đang được giải quyết tại thôn 7, xã Hòa Trung và tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Trung (*BL 64-65).* Như vậy tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự đang tranh chấp. Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà H tại thửa 452, 453 là trái quy định pháp luật, cụ thể cấp không đúng chủ sử dụng đất, không đúng trình tự thủ tục theo quy định vì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng trong thời gian các bên đang xảy ra tranh chấp (*BL 233-240*). Theo đó tại Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 18/4/2011 và QĐ số 2623/QĐ-UBND ngày 08/9/2011 của UBND huyện Di Linh đã chấp nhận đơn khiếu nại của bà V, Quyết định hủy bỏ, thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông Đ, bà H đối với hai thửa đất 452, 453 diện tích 7.363m^2 và đề nghị UBND xã Hòa Trung hướng dẫn hộ ông D, bà V lập thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định (*BL 396-398*). Vợ chồng ông Đ, bà H tiếp tục khiếu nại Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 18/4/2011. Tuy nhiên tại Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 12/9/2012 UBND tỉnh Lâm Đồng đã quyết định không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Đ, bà H; Giao UBND huyện Di Linh điều chỉnh, thu hồi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, bà H đối với thửa đất 452,453 (*BL 395*). Từ các tài liệu, chứng cứ trên có căn cứ xác định diện tích đất 7.363m^2 thuộc thửa 452, 453 là tài sản chung của vợ chồng bà V, ông D. Do đó; cần chấp nhận kháng cáo của bà V đối với phần diện tích đất này là phù hợp. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai ngày 29/12/2020 thì tổng giá trị về đất, nhà ở và các công trình khác gắn liền với đất trên hai thửa đất 452 và thửa 453 có tổng giá trị 1.183.603.000đ. Do xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên cần chia đôi mỗi người nhận ½. Hiện nay bà V không có nhà ở, có nguyện vọng được nhận giá trị bằng hiện vật. Xét nhu cầu thực tế của các bên đương sự, cần giao bà V được quyền sử dụng diện tích 7.363m^2 thuộc thửa 452 và thửa 453 tờ bản đồ số 12 xã Hòa Trung và thanh toán lại cho ông D ½ giá trị tài sản sản là 591.801.500đ.

Đối với những người đang sinh sống trên đất, ngày 01/01/2013 ông Đ, bà H đã lập hợp đồng ủy quyền (*Bút lục 1057*) với thời hạn là 01 năm giao cho anh

Ngô Thế H, bà Trần Thị L quản lý canh tác trên đất, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2020 xác định còn có vợ chồng chị Phạm Thị Hồng Th, anh Ngô Song H cùng các con đang sinh sống trên diện tích đất này. Hiện nay thời hạn hợp đồng ủy quyền đã hết, cả anh H và bà Lan đều xác định không tranh chấp gì với bà V, ông D, ông Đ, bà H. Vợ chồng chị Th, anh H trình bày chỉ là ở nhờ trên đất, nếu Tòa án giao đất cho ai thì anh chị trả lại cho người đó. Do xác định đây là tài sản chung của ông D, bà V nên cần buộc những người đang quản lý, canh tác trên thửa đất giao lại nhà và đất cho bà V là phù hợp.

[2.5] Đối với nội dung kháng cáo về việc buộc ông D phải chia một nửa sản lượng cà phê thu hoạch từ năm 2010 đến nay trên diện tích 7.363m^2. Như đã phân tích ở trên, do xác định diện tích đất 7.363m^2 là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu của bà V là có căn cứ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà V tại phiên tòa hôm nay thì toàn bộ diện tích trên đã được vợ chồng ông Đ bà H quản lý sử dụng và giao lại cho ông H, bà L trực tiếp đầu tư thu hoạch cà phê từ năm 2013 đến nay. Do đó, việc bà V yêu cầu ông D thanh toán sản lượng cà phê là không đúng đối tượng. Bà V có thể yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H thanh toán sản lượng cà phê thu hoạch được từ năm 2013 đến nay nếu có đủ căn cứ chứng minh và được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.6] Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Đ, bà H không có yêu cầu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng lại tuyên Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay được xác lập ngày 05/02/1999 giữa bà Hồ Thị V và bà Trần Thị H đối với thửa 51, tờ bản đồ số 12, xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là không đúng, cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp với yêu cầu của ông Đ, bà H.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá và đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ tại cả hai giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm tổng số tiền 50.691.000đ. Đây là các chi phí cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó cần buộc bà V, ông D và vợ chồng ông Đ, bà H là người liên quan trực tiếp đến tranh chấp tài sản nên cùng phải chịu chi phí này. Chia phần mỗi người phải chịu 16.897.000đ (*50.691.000đ : 3 = 16.897.000đ*). Số tiền này bà V đã tạm nộp nên cần buộc ông D và vợ chồng bà H, ông Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà V.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà V và ông D đã thuận tình ly hôn theo quyết định của bản án phúc thẩm số 12/2018/HNGĐ-PT ngày 18/6/2018 của TAND tỉnh Lâm Đồng đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên bản án số 14/2020/HNGĐ-ST

ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh lại tiếp tục tuyên bà V, ông D mỗi người phải chịu 100.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Cần sửa một phần bản sơ thẩm về nội dung này.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Hồ Thị V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí chia tài sản chung: Bà V phải chịu 27.672.060đ án phí chia tài sản chung 20.000.000đ + 4% x (591.801.500đ – 400.000.000đ) = 27.672.060đ.

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với sản lượng cà phê phải trả 10.900kg x 30.000đ/kg = 327.000.000đ x 5% = 16.350.000đ. Tổng cộng bà V phải chịu 44.022.060đ án phí.

Ông D phải chịu 27.672.060đ án phí chia tài sản chung (*20.000.000đ + 4% x (591.801.500đ – 400.000.000đ) = 27.672.060đ*).

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ chung phải trả cho ông Nguyễn Văn P và án phí đối với sản lượng cà phê phải trả cho ông Trịnh H, bà Nguyễn Thị Thu T 4.300.000đ + (10.900kg x 30.000đ/kg) = 331.300.000đ x 5% = 16.565.000đ. Tổng cộng ông D phải chịu 44.237.060đ án phí.

Từ những phân tích trên, cần sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Di Linh về phần tài sản chung và án phí.

[4] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị V. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị V; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H:

1.1 Xác định diện tích đất 7.363m^2 thuộc thửa 452 và 453 tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4

(nhà cũ) diện tích 51,6m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 (nhà mới) diện tích 51,3m^2, nhà gỗ 18m^2; sân bê tông 221m^2; hàng rào và cổng 30m^2; 02 giếng nước; 01 ao nước diện tích 227,9m^2, thể tích khoảng 797,65m^3, trên đất trồng cây cà phê Robusta là tài sản chung của bà Hồ Thị V và ông Trần Duy D.

Vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H và những người đang quản lý, canh tác trên thửa đất (bà Trần Thị L (tên gọi khác Trần Thị Thu Lan), anh Ngô Thế Hậu, chị Phạm Thị Hồng Thắm, anh Ngô Song Hào) có nghĩa vụ giao trả cho bà Hồ Thị V diện tích đất 7.363m^2 thuộc thửa 452 và thửa 453 tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và toàn bộ công trình, tài sản gắn liền trên đất bao gồm; 01 căn nhà xây cấp 4 (nhà cũ) diện tích 51,6m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 (nhà mới) diện tích 51,3m^2, nhà gỗ 18m^2; sân bê tông 221m^2; hàng rào và cổng 30m^2; 02 giếng nước; 01 ao nước diện tích 227,9m^2, thể tích khoảng 797,65m^3; trên đất trồng cây cà phê Robusta.

Bà V được quyền sử dụng diện tích đất 7.363m^2 thuộc thửa 452 và thửa 453 tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và được quyền sở hữu toàn bộ công trình, tài sản gắn liền trên đất bao gồm; 01 căn nhà xây cấp 4 (*nhà cũ*) diện tích 51,6m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 *(nhà mới)* diện tích 51,3m^2, nhà gỗ 18m^2; sân bê tông 221m^2; hàng rào và cổng 30m^2; 02 giếng nước; 01 ao nước diện tích 227,9m^2, thể tích khoảng 797,65m^3; trên đất trồng cây cà phê Robusta.

Bà Hồ Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Duy D số tiền 591.801.500đ *(Năm trăm chín mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một ngàn, năm trăm đồng)*.

Ông Trần Duy D được nhận ½ giá trị tài sản là 591.801.500đ (*Năm trăm chín mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một ngàn, năm trăm đồng)* do bà Hồ Thị V thanh toán.

Bà Hồ Thị V có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.2. Xác định thửa 51, tờ bản đồ 12, diện tích đất 5.972m^2 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy sang nhượng đất viết tay được xác lập ngày 05/02/1999 giữa bà Hồ Thị V và bà Trần Thị H là tài sản của ông Đ, bà H. Giao cho vợ chồng ông Đ, bà H quản lý, sử dụng đối với thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, diện tích đất 5.972m^2 (*theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích do đạc 7.802,8m^2, trong đó có 5.790,6m^2 thuộc thửa 51(12) bản đồ năm 1995 và diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.012,2m^2*).

Buộc bà Hồ Thị V có nghĩa vụ giao cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số Q 577192 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 20/8/2000 đứng tên hộ bà Hồ Thị V để vợ

chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thỉ hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thỉ hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương với thời gian và số tiền chưa thi hành án. (căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị V về yêu cầu ông Trần Duy D trả sản lượng cà phê 900 kg x 09 năm (từ năm 2010 đến năm 2019) x 32.000 đồng/kg là 259.200.000 đồng.

3. Hủy 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Di Linh đã cấp cho bà Hồ Thị V đối với:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L079885, diện tích đất 3.050m^2 thuộc thửa 240, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung do UBND huyện Di Linh cấp ngày 05/12/1997 cho ông Vũ Ngọc An. Thay đổi tại trang 4, ngày 15/6/2001 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị V.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu L097983, diện tích đất 4.154m^2, thuộc thửa 04 và thửa 239, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung, do UBND huyện Di Linh cấp ngày 05/12/1997 cho bà Trần Thị Hiền. Thay đổi tại trang 4, ngày 15/6/2001 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị V.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu V 441734, diện tích đất 2.200m^2, thuộc thửa 253, tờ bản đồ 13 xã Hòa Trung, do UBND huyện Di Linh cấp ngày 14/02/2003 cho bà Hồ Thị V

(*Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 thì diện tích đo đạc 9.590,7m^2 thuộc các thửa 240, 04, 239 và 253*).

Ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Duy D và vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị H mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị V 16.897.000đ chi phí đo vẽ xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản. Bà Hồ Thị V được nhận 16.897.000 đồng chi phí tố tụng do ông D thanh toán và 16.897.000 đồng do vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị H thanh toán.

5. Về án phí: Bà Hồ Thị V phải chịu 44.022.060 án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001784 ngày 29/6/2020; số tiền 8.750.000đ theo biên lai thu số 08618 ngày 11/3/2013; số tiền 200.000đ theo biên lai thu số 03256 ngày 29/11/2011 đều của chi cục Thi hành

án dân sự huyện Di Linh. Bà V còn phải nộp số tiền 34.772.060đ *(Ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi đồng)*

Ông D phải chịu 44.237.060 *(Bốn mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, không trăm sáu mươi đồng)* án phí chia tài sản chung.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ theo biên lai thu số 03157 ngày 05/9/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 14.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014277 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

6. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Di Linh (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thành Trung **Nguyễn Văn Thanh** **Lê Thị Vân**

Thửa số 240, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.050m^2 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Thửa 04 và thửa 239 tờ bản đồ 13, diện tích 4.154m^2 và thửa 253 tờ bản đồ số 13 diện tích 2.200m^2 xã Hòa Trung, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Giao cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H quản lý, sử dụng đối với thửa 51, tờ bản đồ 12 xã Hòa Trung, diện tích đất 5.972m^2 (*theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích do đạc 7.802,8m^2, trong đó có 5.790,6m^2 thuộc thửa 51(12) bản đồ năm 1995 và diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.012,2m^2*).

Xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BC832067, do UBND huyện Di Linh cấp cho ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H ngày 22/10/2010, tại thửa đất số 452, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung, diện tích 2.212m^2 đất trồng cây lâu năm (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích 2.461,6m^2, trong

đó có 227,9m^2 đất ao) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng số hiệu BC832068, do UBND huyện Di Linh cấp cho ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H ngày 22/10/2010, tại thửa đất số 453, tờ bản đồ 12, xã Hòa Trung, diện tích 5.151m^2 đất trồng cây lâu năm (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 diện tích 5.141,4m^2) là tài sản của vợ chồng ông Hoàng Văn Đ, bà Trần Thị H.